|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  Số: 30/2014/TT-BGDĐT  Số: 22/ 2016-TT-BGD ĐT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2014*  *Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2016* |

**THÔNG TƯ**

**Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học**

*Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2014.*

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học**

**ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

*Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 11 năm 2016.*

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**Đánh giá học sinh tiểu học**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 và Thông tư số 22/2016/TT-BGD ĐT ngày 22/9/2016 của Bộ trưởng Bộ GD và ĐT)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này quy định về đánh giá học sinh tiểu học bao gồm: nội dung và cách thức đánh giá, sử dụng kết quả đánh giá.

2. Văn bản này áp dụng đối với trường tiểu học; lớp tiểu học trong trường phổ thông có nhiều cấp học và trường chuyên biệt; cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giáo dục tiểu học.

**Điều 2. Đánh giá học sinh tiểu học**

Đánh giá học sinh tiểu học nêu trong Quy định này là những hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của học sinh; tư vấn, hướng dẫn, động viên học sinh; nhận xét định tính hoặc định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất của học sinh tiểu học.

**Điều 3. Mục đích đánh giá**

1. Giúp giáo viên điều chỉnh, đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động dạy học, hoạt động trải nghiệm ngay trong quá trình và kết thúc mỗi giai đoạn dạy học, giáo dục; kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của học sinh để động viên, khích lệ và phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của học sinh để hướng dẫn, giúp đỡ; đưa ra nhận định đúng những ưu điểm nổi bật và những hạn chế của mỗi học sinh để có giải pháp kịp thời nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của học sinh; góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học.

2. Giúp học sinh có khả năng tự *nhận xét*, tham gia *nhận xét*; tự học, tự điều chỉnh cách học; giao tiếp, hợp tác; có hứng thú học tập và rèn luyện để tiến bộ.

3. Giúp cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ (sau đây gọi chung là cha mẹ học sinh) tham gia đánh giá quá trình và kết quả học tập, rèn luyện, quá trình hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của con em mình; tích cực hợp tác với nhà trường trong các hoạt động giáo dục học sinh.

4. Giúp cán bộ quản lí giáo dục các cấp kịp thời chỉ đạo các hoạt động giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá nhằm đạt hiệu quả giáo dục.

**Điều 4.** *Yêu cầu* **đánh giá**

1. *Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan*.

2. Đánh giá toàn diện học sinh thông qua đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng và một số biểu hiện năng lực, phẩm chất của học sinh theo mục tiêu giáo dục tiểu học.

3. *Đánh giá thường xuyên bằng nhận xét, đánh giá định kì bằng điểm số kết hợp với nhận xét; kết hợp đánh giá của giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, trong đó đánh giá của giáo viên là quan trọng nhất*.

4. Đánh giá sự tiến bộ của học sinh, không so sánh học sinh này với học sinh khác, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

**Chương II**

**NỘI DUNG VÀ CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ**

**Điều 5. Nội dung đánh giá**

1. Đánh giá quá trình học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh theo chuẩn kiến thức, kĩ năng từng môn học và hoạt động giáo dục khác theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

*2. Đánh giá sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh:*

*a) Năng lực: tự phục vụ, tự quản; hợp tác; tự học và giải quyết vấn đề;*

*b) Phẩm chất: chăm học, chăm làm; tự tin, trách nhiệm; trung thực, kỉ luật; đoàn kết, yêu thương.*

**Điều 6. Đánh giá thường xuyên**

*1. Đánh giá thường xuyên là đánh giá trong quá trình học tập, rèn luyện về kiến thức, kĩ năng, thái độ và một số biểu hiện năng lực, phẩm chất của học sinh, được thực hiện theo tiến trình nội dung của các môn học và các hoạt động giáo dục. Đánh giá thường xuyên cung cấp thông tin phản hồi cho giáo viên và học sinh nhằm hỗ trợ, điều chỉnh kịp thời, thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh theo mục tiêu giáo dục tiểu học.*

*2. Đánh giá thường xuyên về học tập:*

*a) Giáo viên dùng lời nói chỉ ra cho học sinh biết được chỗ đúng, chưa đúng và cách sửa chữa; viết nhận xét vào vở hoặc sản phẩm học tập của học sinh khi cần thiết, có biện pháp cụ thể giúp đỡ kịp thời;*

*b) Học sinh tự nhận xét và tham gia nhận xét sản phẩm học tập của bạn, nhóm bạn trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập để học và làm tốt hơn;*

*c) Khuyến khích cha mẹ học sinh trao đổi với giáo viên về các nhận xét, đánh giá học sinh bằng các hình thức phù hợp và phối hợp với giáo viên động viên, giúp đỡ học sinh học tập, rèn luyện.*

*3. Đánh giá thường xuyên về năng lực, phẩm chất:*

*a) Giáo viên căn cứ vào các biểu hiện về nhận thức, kĩ năng, thái độ của học sinh ở từng năng lực, phẩm chất để nhận xét, có biện pháp giúp đỡ kịp thời;*

*b) Học sinh được tự nhận xét và được tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn về những biểu hiện của từng năng lực, phẩm chất để hoàn thiện bản thân;*

*c) Khuyến khích cha mẹ học sinh trao đổi, phối hợp với giáo viên động viên, giúp đỡ học sinh rèn luyện và phát triển năng lực, phẩm chất.*

***Bãi bỏ Điều 7,8,9***

**Điều 10. *Đánh giá định kì***

*1. Đánh giá định kì là đánh giá kết quả giáo dục của học sinh sau một giai đoạn học tập, rèn luyện, nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh so với chuẩn kiến thức, kĩ năng quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và sự hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.*

*2. Đánh giá định kì về học tập*

*a) Vào giữa học kì I, cuối học kì I, giữa học kì II và cuối năm học, giáo viên căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và chuẩn kiến thức, kĩ năng để đánh giá học sinh đối với từng môn học, hoạt động giáo dục theo các mức sau:*

*- Hoàn thành tốt: thực hiện tốt các yêu cầu học tập của môn học hoặc hoạt động giáo dục;*

*- Hoàn thành: thực hiện được các yêu cầu học tập của môn học hoặc hoạt động giáo dục;*

*- Chưa hoàn thành: chưa thực hiện được một số yêu cầu học tập của môn học hoặc hoạt động giáo dục;*

*b) Vào cuối học kì I và cuối năm học, đối với các môn học: Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Ngoại ngữ, Tin học, Tiếng dân tộc có bài kiểm tra định kì;*

*Đối với lớp 4, lớp 5, có thêm bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt, môn Toán vào giữa học kì I và giữa học kì II;*

*c) Đề kiểm tra định kì phù hợp chuẩn kiến thức, kĩ năng và định hướng phát triển năng lực, gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo các mức như sau:*

*- Mức 1: nhận biết, nhắc lại được kiến thức, kĩ năng đã học;*

*- Mức 2: hiểu kiến thức, kĩ năng đã học, trình bày, giải thích được kiến thức theo cách hiểu của cá nhân;*

*- Mức 3: biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề quen thuộc, tương tự trong học tập, cuộc sống;*

*- Mức 4: vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập, cuộc sống một cách linh hoạt;*

*d) Bài kiểm tra được giáo viên sửa lỗi, nhận xét, cho điểm theo thang 10 điểm, không cho điểm 0, không cho điểm thập phân và được trả lại cho học sinh. Điểm của bài kiểm tra định kì không dùng để so sánh học sinh này với học sinh khác. Nếu kết quả bài kiểm tra cuối học kì I và cuối năm học bất thường so với đánh giá thường xuyên, giáo viên đề xuất với nhà trường có thể cho học sinh làm bài kiểm tra khác để đánh giá đúng kết quả học tập của học sinh.*

*3. Đánh giá định kì về năng lực, phẩm chất*

*Vào giữa học kì I, cuối học kì I, giữa học kì II và cuối năm học, giáo viên chủ nhiệm căn cứ vào các biểu hiện liên quan đến nhận thức, kĩ năng, thái độ trong quá trình đánh giá thường xuyên về sự hình thành và phát triển từng năng lực, phẩm chất của mỗi học sinh, tổng hợp theo các mức sau:*

*a) Tốt: đáp ứng tốt yêu cầu giáo dục, biểu hiện rõ và thường xuyên;*

*b) Đạt: đáp ứng được yêu cầu giáo dục, biểu hiện nhưng chưa thường xuyên;*

*c)Cần cố gắng: chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu giáo dục, biểu hiện chưa rõ.*

**Bãi bổ Điều 11**

**Điều 12. Đánh giá học sinh khuyết tật và học sinh học ở các lớp học linh hoạt**

*Đánh giá học sinh khuyết tật và học sinh học ở các lớp học linh hoạt bảo đảm quyền được chăm sóc và giáo dục.*

*1. Học sinh khuyết tật học theo phương thức giáo dục hoà nhập được đánh giá như đối với học sinh không khuyết tật có điều chỉnh yêu cầu hoặc theo yêu cầu của kế hoạch giáo dục cá nhân.*

*2. Học sinh khuyết tật học theo phương thức giáo dục chuyên biệt được đánh giá theo quy định dành cho giáo dục chuyên biệt hoặc theo yêu cầu của kế hoạch giáo dục cá nhân.*

*3. Đối với học sinh học ở các lớp học linh hoạt: giáo viên căn cứ vào nhận xét, đánh giá thường xuyên qua các buổi học tại lớp học linh hoạt và kết quả đánh giá định kì môn Toán, môn Tiếng Việt được thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Quy định này.*

**Điều 13. Hồ sơ đánh giá**

*1. Hồ sơ đánh giá gồm Học bạ và Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp.*

*2. Giữa học kì và cuối học kì, giáo viên ghi kết quả đánh giá giáo dục của học sinh vào Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của các lớp được lưu giữ tại nhà trường theo quy định.*

*3. Cuối năm học, giáo viên chủ nhiệm ghi kết quả đánh giá giáo dục của học sinh vào Học bạ. Học bạ được nhà trường lưu giữ trong suốt thời gian học sinh học tại trường, được giao cho học sinh khi hoàn thành chương trình tiểu học hoặc đi học trường khác.*

**Chương III**

**SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ**

**Điều 14. Xét hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học**

*1. Xét hoàn thành chương trình lớp học:*

*a) Học sinh được xác nhận hoàn thành chương trình lớp học phải đạt các điều kiện sau:*

*- Đánh giá định kì về học tập cuối năm học của từng môn học và hoạt động giáo dục: Hoàn thành tốt hoặc Hoàn thành;*

*- Đánh giá định kì về từng năng lực và phẩm chất cuối năm học: Tốt hoặc Đạt;*

*- Bài kiểm tra định kì cuối năm học của các môn học đạt điểm 5 trở lên;*

*b) Đối với học sinh chưa được xác nhận hoàn thành chương trình lớp học, giáo viên lập kế hoạch, hướng dẫn, giúp đỡ; đánh giá bổ sung để xét hoàn thành chương trình lớp học;*

*c) Đối với học sinh đã được hướng dẫn, giúp đỡ mà vẫn chưa đủ điều kiện hoàn thành chương trình lớp học, tùy theo mức độ chưa hoàn thành ở các môn học, hoạt động giáo dục, mức độ hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất, giáo viên lập danh sách báo cáo hiệu trưởng xem xét, quyết định việc lên lớp hoặc ở lại lớp.*

2. Xét hoàn thành chương trình tiểu học:

Học sinh hoàn thành chương trình lớp 5 (năm) được xác nhận và ghi vào học bạ: Hoàn thành chương trình tiểu học.

***Điều 15. Nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh***

*1. Nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh nhằm đảm bảo tính khách quan và trách nhiệm của giáo viên về kết quả đánh giá học sinh; giúp giáo viên nhận học sinh vào năm học tiếp theo có đủ thông tin cần thiết để có kế hoạch, biện pháp giáo dục hiệu quả.*

*2. Hiệu trưởng chỉ đạo nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh:*

*a) Đối với học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4: giáo viên chủ nhiệm trao đổi với giáo viên sẽ nhận học sinh vào năm học tiếp theo về những nét nổi bật hoặc hạn chế của học sinh, bàn giao hồ sơ đánh giá học sinh theo quy định tại khoản 1 Điều 13 của Quy định này;*

*b) Đối với học sinh lớp 5: tổ chuyên môn ra đề kiểm tra định kì cuối năm học cho cả khối; tổ chức coi, chấm bài kiểm tra có sự tham gia của giáo viên trường trung học cơ sở trên cùng địa bàn; giáo viên chủ nhiệm hoàn thiện hồ sơ đánh giá học sinh, bàn giao cho nhà trường.*

*3. Trưởng phòng giáo dục và đào tạo chỉ đạo các nhà trường trên cùng địa bàn tổ chức nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh hoàn thành chương trình tiểu học lên lớp 6 phù hợp với điều kiện của các nhà trường và địa phương.*

**Điều 16. Khen thưởng**

*1. Hiệu trưởng tặng giấy khen cho học sinh:*

*a) Khen thưởng cuối năm học:*

*- Học sinh hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện: kết quả đánh giá các môn học đạt Hoàn thành tốt, các năng lực, phẩm chất đạt Tốt; bài kiểm tra định kì cuối năm học các môn học đạt 9 điểm trở lên;*

*- Học sinh có thành tích vượt trội hay tiến bộ vượt bậc về ít nhất một môn học hoặc ít nhất một năng lực, phẩm chất được giáo viên giới thiệu và tập thể lớp công nhận;*

*b) Khen thưởng đột xuất: học sinh có thành tích đột xuất trong năm học.*

*2. Học sinh có thành tích đặc biệt được nhà trường xem xét, đề nghị cấp trên khen thưởng.*

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 17. Trách nhiệm của sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo**

*1. Giám đốc sở giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm:*

*a) Chỉ đạo trưởng phòng giáo dục và đào tạo tổ chức việc thực hiện đánh giá học sinh tiểu học trên địa bàn; báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*b) Hướng dẫn việc sử dụng Học bạ của học sinh.*

*2. Trưởng phòng giáo dục và đào tạo chỉ đạo hiệu trưởng tổ chức việc thực hiện đánh giá, nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh tiểu học trên địa bàn; báo cáo kết quả thực hiện về sở giáo dục và đào tạo.*

*3. Giám đốc sở giáo dục và đào tạo, trưởng phòng giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Thông tư này tại địa phương.*

**Điều 18. Trách nhiệm của hiệu trưởng**

*1. Chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức, tuyên truyền thực hiện đánh giá học sinh theo quy định tại Thông tư này; đảm bảo chất lượng đánh giá; báo cáo kết quả thực hiện về phòng giáo dục và đào tạo.*

*2. Tôn trọng quyền tự chủ của giáo viên trong việc thực hiện quy định đánh giá học sinh.*

*3. Chỉ đạo việc ra đề kiểm tra định kì; xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ học sinh; nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh; xác nhận kết quả đánh giá học sinh cuối năm học; xét lên lớp; quản lí hồ sơ đánh giá học sinh.*

*4. Giải trình, giải quyết thắc mắc, kiến nghị về đánh giá học sinh trong phạm vi và quyền hạn của hiệu trưởng.*

**Điều 19. Trách nhiệm của giáo viên**

*1. Giáo viên chủ nhiệm:*

*a) Chịu trách nhiệm chính trong việc đánh giá học sinh, kết quả giáo dục học sinh trong lớp; hoàn thành hồ sơ đánh giá học sinh theo quy định; nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh;*

*b) Thông báo riêng cho cha mẹ học sinh về kết quả đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của mỗi học sinh;*

*c) Hướng dẫn học sinh tự nhận xét và tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn. Tuyên truyền cho cha mẹ học sinh về nội dung và cách thức đánh giá theo quy định tại Thông tư này; phối hợp và hướng dẫn cha mẹ học sinh tham gia vào quá trình đánh giá.*

*2. Giáo viên không làm công tác chủ nhiệm:*

*a) Chịu trách nhiệm đánh giá quá trình học tập, rèn luyện và kết quả học tập của học sinh đối với môn học, hoạt động giáo dục theo quy định;*

*b) Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên cùng lớp, cha mẹ học sinh thực hiện việc đánh giá học sinh; hoàn thành hồ sơ đánh giá học sinh; nghiệm thu chất lượng giáo dục học sinh;*

*c) Hướng dẫn học sinh tự nhận xét và tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn.*

*3. Giáo viên theo dõi sự tiến bộ của học sinh, ghi chép những lưu ý với học sinh có nội dung chưa hoàn thành hoặc có khả năng vượt trội. Trong trường hợp cần thiết, giáo viên thông báo riêng cho cha mẹ học sinh về kết quả đánh giá của mỗi học sinh.*

**Điều 20. Quyền và trách nhiệm của học sinh**

1. Được nêu ý kiến và nhận sự hướng dẫn, giải thích của giáo viên, hiệu trưởng về kết quả đánh giá.

2. Tự nhận xét và tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn theo hướng dẫn của giáo viên.

|  |  |
| --- | --- |
| **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Đã ký**  **Nguyễn Vinh Hiển** | **BỘ TRƯỞNG**  **Đã ký**    **Phùng Xuân Nhạ** |

**MẪU NHẬN XÉT HỌC BẠ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Môn** | **Nhận xét** |
| **Tiếng Việt** | * Đọc viết tốt * Nghe, đọc, viết tốt * Kĩ năng nghe viết tốt * Đọc to, rõ ràng lưu loát. Câu văn ngắn gọn, dễ hiểu * Biết tìm từ và đặt câu đúng, biết sử dụng vốn từ phong phú để viết thành câu, đoạn văn ngắn * Chữ viết đều, đẹp. Hiểu nội dung bài nhanh * Trả lời tốt các câu hỏi bài tập đọc * Nắm vững vốn từ và đặt câu đúng. Viết văn lưu loát |
| **Toán** | * Tính toán nhanh, giải toán đúng * Thực hành thành thạo các bài tập * Thuộc các bảng cộng, trừ, nhân, chia. Vận dụng giải toán tốt * Nắm chắc kiến thức đã học * Tính toán nhanh, chính xác trong giải toán có lời văn * Biết xác định đề toán. Tính toán nhanh |
| **Tự nhiên và Xã hội** | * Nắm được nội dung bài học và vận dụng làm bài tập tốt * Biết vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống * Nhận biết được các loài vật dưới nước và trên bờ * Vận dụng kiến thức đã học và thực hiện tốt |
| **Đạo đức** | * Biết xử lí tình huống trong bài tốt * Biết nêu tình huống và giải quyết tình huống theo nội dung bài học * Biết vận dụng nội dung bài học vào thực tiễn tốt * Thực hiện tốt hành vi đạo đức đã học vào cuộc sống * Ngoan ngoãn, lễ phép. Ứng xử đúng hành vi đạo đức trong thực tiễn * Nắm được hành vi đạo đức đã học và làm bài tập tốt |
| **Thủ công** | * Nắm chắc các quy trình gấp, cắt, dán các sản phẩm * Có năng khiếu gấp, cắt dán biển báo giao thông * Có năng khiếu về gấp, cắt dán theo mẫu * Có năng khiếu làm dây đeo đồng hồ, làm vòng đeo tay,… * Biết gấp, cắt, dán theo quy trình * Khéo tay khi làm các sản phẩm thủ công |
| **Âm nhạc** | * Thuộc lời ca, giai điệu. * Hát hay, biểu diễn tự nhiên * Có năng khiếu hát và biểu diễn * Giọng hát khỏe, trong. Biểu diễn tự tin |
| **Mỹ thuật** | * Vẽ đẹp * Có năng khiếu vẽ * Có năng khiếu nặn các con vật * Vẽ theo mẫu đúng * Biết phối hợp màu sắc khi vẽ * Biết trang trí đường diềm, tô màu tự nhiên * Biết vẽ dáng người, con vật, cốc theo mẫu * Có năng khiếu vẽ theo chủ đề * Biết vẽ, nặn các con vật * Có tính sáng tạo khi vẽ, trang trí. |
| **Thể dục** | - Tập hợp được theo hàng dọc và biết cách dàn hàng.  - Thực hiện được các tư thế của tay khi tập Rèn luyện tư thế cơ bản.  - Thực hiện được các tư thế của chân và thân người khi tập Rèn luyện tư thế cơ bản.  - Biết cách chơi và tham gia được các Trò chơi.  - Tập hợp đúng hàng dọc và điểm số đúng.  - Biết cách chơi, tham gia được các Trò chơi và chơi đúng luật.  - Thực hiện được bài Thể dục phát triển chung  - Hoàn thiện bài Thể dục phát triển chung  - Thực hiện đứng nghiêm, nghỉ và quay phải, quay trái đúng hướng.  - Giữ được thăng bằng khi làm động tác kiễng gót và đưa 1 chân sang ngang.  - Tham gia được vào các trò chơi. Chơi đúng luật của trò chơi.  - Biết hợp tác với bạn trong khi chơi.  - Sáng tạo, linh hoạt trong khi chơi.  - Thực hiện các động tác theo đúng nhịp hô.  - Thuộc bài Thể dục phát triển chung.  - Thực hiện bài Thể dục phát triển chung nhịp nhàng và đúng nhịp hô.  - Tích cực tập luyện, đoàn kết, kỷ luật, trật tự.  - Xếp hàng và tư thế đứng nghiêm, nghỉ đúng.  - Thực hiện được những động tác Đội hình đội ngũ.  - Biết chào, báo cáo và xin phép khi ra vào lớp.  - Thực hiện được đi thường theo nhịp.  - Biết cách chơi và tham gia được Trò chơi.  - Biết cách đi thường theo hàng dọc.  - Thực hiện được các động tác Thể dục rèn luyện tư thế cơ bản.  - Tích cực tham gia tập luyện.  - Thực hiện được các bài tập rèn luyện kỹ năng vận động cơ bản.  - Thực hiện được những bài tập phối hợp và khéo léo.  - Tham gia được các trò chơi đúng luật.  - Tích cực, sáng tạo trong khi chơi.  - Tập hợp đúng hàng dọc, điểm số chính xác và biết cách dàn hàng, dồn hàng theo hàng dọc.  - Biết cách tập hợp hàng ngang, cách dóng hàng và điểm số theo hàng ngang.  - Đứng nghiêm, nghỉ đúng. Thực hiện quay phải, trái đúng.  - Thực hiện được đi chuyển hướng phải, trái.  - Thực hiện được các bài Rèn luyện kỹ năng vận động cơ bản.  - Linh hoạt, sáng tạo trong học tập.  - Thực hiện đầy đủ các bài tập trên lớp.  - Tích cực và siêng năng tập luyện.  - Thực hiện đúng các động tác cả bài Thể dục phát triển chung với hoa hoặc cờ.  - Hợp tác, đoàn kết với bạn trong khi chơi.  - Linh hoạt, sáng tạo trong khi chơi các Trò chơi.  - Thực hiện các động tác của Bài thể dục đúng phương hướng và biên độ.  - Phối hợp nhịp nhàng các bộ phận cơ thể khi tập luyện.  - Hoàn thành các động tác, bài tập, kỹ thuật các môn học.  - Bước đầu biết ứng dụng một số động tác vào hoạt động và tập luyện.  - Thực hiện đủ lượng vận động của những bài tập, động tác mới học.  - Thực hiện được một số bài tập của môn Thể thao tự chọn.  - Bước đầu biết phối hợp các động tác ném bóng đi xa hoặc trúng đích.  - Tự tổ chức được nhóm chơi Trò chơi.  - Thực hiện các động tác đúng phương hướng và biên độ.  - Điều khiển được chơi trò chơi đơn giản trong nhóm.  - Vận dụng được một số động tác vào hoạt động học tập và sinh hoạt.  - Tổ chức được nhóm chơi trò chơi và hướng dẫn được những trò chơi đơn giản. |
| **Các Năng Lực** | |
| **Tự phục vụ, tự quản** | * Vệ sinh cá nhân sạch sẽ * Quần áo, đầu tóc luôn gọn gàng, sạch sẽ * Chuẩn bị đồ dùng học tập chu đáo * Chấp hành nội quy lớp học * Tích cực tham gia tốt nội quy của trường, lớp * Tự hoàn thành nhiệm vụ được giao |
| **Giao tiếp hợp tác** | * Biết hợp tác theo nhóm để thảo luận * Mạnh dạn khi giao tiếp * Ứng xử thân thiện với mọi người * Diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu * Biết lắng nghe người khác * Trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu * Trình bày rõ ràng, ngắn gọn khi trao đổi |
| **Tự học và giải quyết** | * Có khả năng phối hợp với bạn bè khi làm việc theo nhóm * Biết tìm kiếm sự trợ giúp của thầy cô, bạn bè * Biết vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nội dung tự học cá nhân, nhóm * Thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập * Tự thực hiện nhiệm vụ học cá nhân trên lớp * Có khả năng tự hoàn thành nhiệm vụ học tập cá nhân * Biết tự đánh giá kết quả học tập * Biết phối hợp với bạn bè khi làm việc theo nhóm |
| **Các Phẩm Chất** | |
| **Chăm học chăm làm** | * Chăm làm việc nhà giúp bố mẹ ( ông bà) * Tích cực làm đẹp trường lớp * Thường xuyên trao đổi với bạn bè * Tích cự tham gia giữ gìn vệ sinh trường lớp * Chăm chỉ, tự giác học * Tích cự tham gia các hoạt động học tập * Tích cực tham gia học tập theo nhóm |
| **Tự trọng, Tự tin, …** | * Mạnh dạn khi thực hiện nhiệm vụ * Sẵn sàng nhận lỗi khi mình làm sai * Nhận làm việc vừa sức mình * Tự tin trong học tập * Tự chịu trách nhiệm về các việc mình làm * Mạnh dạn trình bày ý kiến cá nhân * Tôn trọng lời hứa |

**NHẬN XÉT TRONG SỔ HỌC BẠ VỀ PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC**

**I. NĂNG LỰC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Năng lực** | **Nhận xét** |
| **Tự phục vụ, tự quản** | - Ý thức phục vụ bản thân tốt.  - Chuẩn bị tốt bài học, bài làm trước khi đến lớp .  - Chuẩn bị bài trước khi đến lớp chu đáo.  - Chuẩn bị đầy đủ sách vở, dụng cụ học tập khi đến lớp.  - Sắp xếp đồ dùng học tập ngăn nắp, gọn gàng  - Biết giữ gìn dụng cụ học tập.  - Ý thức phục vụ bản thân tốt.  - Thực hiện tốt vệ sinh cá nhân.Trang phục gọn gàng, sạch sẽ.  - Còn quên sách vở, đồ dùng học tập.  - Biết chuẩn bị đồ dùng học tập nhưng chưa giữ gìn cẩn thận.  - Chuẩn bị bài trước khi đến lớp chưa chu đáo. |
| **Hợp tác** | - Giao tiếp tốt: nói to, rõ ràng.  - Mạnh dạn, tự tin khi giao tiếp.  - Có sự tiến bộ khi giao tiếp. Nói to, rõ ràng.  - Trình bày vấn đề rõ ràng, ngắn gọn.  - Trình bày rõ ràng, mạch lạc  - Biết hợp tác nhóm và tích cực giúp đỡ bạn trong nhóm.  - Tích cực tham gia hoạt động nhóm và trao đổi ý kiến với bạn.  - Chấp hành tốt sự phân công trong sinh hoạt nhóm.  - Hợp tác trong nhóm tốt.  - Có khả năng tổ chức làm việc theo nhóm  - Tổ chức, hợp tác nhóm có hiệu quả  - Còn rụt rè trong giao tiếp.  - Chưa mạnh dạn khi giao tiếp  - Chưa tích cực tham gia hợp tác nhóm và trao đổi ý kiến. |
| **Tự học và giải quyết vấn đề** | - Hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.  - Luôn cố gắng hoàn thành công việc được giao.  - Tự giác hoàn thành bài tập trên lớp.  - Thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập cá nhân.  - Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  - Biết tự học, tự giải quyết các vấn đề học tập.  - Có khả năng tự học.  - Chưa có khả năng tự học mà cần sự giúp đỡ của thầy cô, cha mẹ.  - Có khả năng hệ thống hóa kiến thức.  - Ý thức tự học, tự rèn chưa cao  - Có ý thức tự học, tự rèn. |

**II. PHẨM CHẤT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chăm học, chăm làm** | - Đi học chuyên cần, đúng giờ.  - Đi học đầy đủ, đúng giờ.  - Chăm học. Tích cực hoạt động .  - Tích cực tham gia văn nghệ của lớp và trường.  - Tích cực tham gia các phong trào lớp và trường.  - Tích cực tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp.  - Biết giúp đỡ ba mẹ công việc nhà, giúp thầy cô công việc lớp.  - Tham gia hoạt động cùng bạn nhưng chưa tích cực.  - Năng nổ tham gia phong trào thể dục thể thao của trường, lớp.  - Ham học hỏi, tìm tòi  - Tích cực tham gia giữ vệ sinh trường lớp  - Thường xuyên trao đổi nội dung học tập với bạn, thầy cô giáo. |
| **Tự tin, trách nhiệm** | - Tự tin khi trả lời .  - Mạnh dạn trình bày ý kiến cá nhân trước tập thể.  - Mạnh dạn phát biểu xây dựng bài.  - Tích cực phát biêu xây dựng bài.  - Tự chịu trách nhiệm về các việc làm của bản thân, không đổ lỗi cho bạn.  - Mạnh dạn nhận xét, góp ý cho bạn.  - Chưa mạnh dạn trao đổi ý kiến. |
| **Trung thực, kỉ luật** | - Trung thực, thật thà với bạn bè và thầy cô.  - Không nói dối, nói sai về bạn.  - Biết nhận lỗi và sửa lỗi.  - Biết giữ lời hứa với bạn bè, thầy cô.  - Chấp hành tốt nội quy trường, lớp.  - Thật thà, biết trả lại của rơi cho người đánh mất. |
| **Đoàn kết, yêu thương** | - Hòa đồng với bạn bè.  - Hòa nhã, thân thiện với bạn bè.  - Đoàn kết, thân thiện với bạn trong lớp.  - Cởi mở, thân thiện, hiền hòa với bạn.  - Kính trọng thầy, cô giáo.  - Kính trọng thầy cô, yêu quý bạn bè.  - Biết giúp đỡ bạn bè khi gặp khó khăn.  - Yêu quý bạn bè và người thân.  - Quan tâm, giúp đỡ bạn bè.  - Lễ phép, kính trọng người lớn, biết giúp đỡ mọi người.  - Quan tâm chăm sóc ông bà, cha mẹ, anh chị em.  - Biết giúp đỡ, luôn tôn trọng mọi người  - Luôn nhường nhịn bạn  - Biết quan tâm chăm sóc ông bà, cha mẹ, anh em, bạn bè  - Kính trọng người lớn, biết ơn thầy giáo, cô giáo. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tự học và giải quyết vấn đề** | - Hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.  - Mạnh dạn phát biểu xây dựng bài. Luôn cố gắng hoàn thành công việc được giao.  - Tự giác hoàn thành bài tập trên lớp.  - Giải quyết tốt các vấn đề học tập.  - Thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập cá nhân.  - Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  - Biết tự học, tự giải quyết các vấn đề học tập.  - Có khả năng tự học  - Chưa có khả năng tự học mà cần sự giúp đỡ của thầy cô, cha mẹ.  - Có khả năng hệ thống hóa kiến thức  - Ý thưc tự học, tự rèn chưa cao  - Khả năng ghi nhớ còn hạn chế  - Khả năng tư duy tốt  - Có ý thức tự học, tự rèn. |